



DANH SÁCH NGƯỜI DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN THỰC HÀNH VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số 2408 /TB-GDĐT-TC ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Buổi sáng, ngày 19/07/2019

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
1	KL19_276	NGUYỄN THANH NAM	20/12/1977	Nam	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
2	LT19_310	PHẠM THỊ HIỀN	09/09/1977	Nữ	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
3	LT19_651	VŨ HOÀNG NGUYỆT NƯƠNG	16/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
4	LN19_1259	DƯƠNG NGỌC CHUÂN	19/12/1987	Nam	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
5	LN19_1305	HUỲNH THỊ HỒNG CẨM	13/01/1988	Nữ	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
6	TT19_1317	TRƯƠNG QUANG ĐỒ	15/06/1977	Nam	Giáo viên môn Công nghệ (KTCN)	Công nghệ	
7	LN19_984	TRẦN THỊ LAN	19/04/1987	Nữ	Giáo viên môn Công nghệ (KTNN)	Công nghệ	
8	LT19_1155	TRẦN THỊ THÚY NGÀ	06/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
9	BN19_1164	LÊ THỊ TRANG	26/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
10	MH19_1196	MAI THỊ NGUYỄN	20/09/1993	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
11	LT19_1234	HUỲNH THỊ HOÀNG CÚC	03/09/1989	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
12	TT19_1312	THÁI THỊ THƠM	12/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
13	HL19_1169	CAO THÚY LAN	24/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
14	LN19_1170	ĐÌNH THỊ KHÁNH NGÂN	23/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
15	BN19_1200	BÙI VĂN GIỎI	08/01/1987	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
16	KL19_1257	PHẠM ANH VĨNH	25/02/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
17	TA19_1344	VÕ NGUYỄN Ý THIÊN	28/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
18	LT19_1280	ĐỖ ANH KHUÊ	02/11/1992	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
19	TT19_1298	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	20/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
20	TT19_1302	NGUYỄN GIA LỘC	03/01/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
21	LN19_1303	ĐOÀN TRƯỜNG PHƯỚC	31/12/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
22	TQ19_1321	HUỲNH ĐẶNG NHƯ TRÂM	19/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
23	TQ19_1322	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	30/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
24	MH19_205	LƯƠNG THỊ HƯƠNG QUỲNH	23/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
25	TA19_1338	PHAN THỊ HỒNG NGỌC	16/08/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
26	TA19_1343	LÂM GIA HÂN	15/12/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
27	TA19_1349	ĐÀO THỊ THU HIỀN	06/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
28	LN19_1351	NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG HÀ	29/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
29	TQ19_1355	PHẠM THỊ LỢI	19/12/1978	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
30	TA19_1358	TRẦN THỊ KIM NGÂN	13/01/1985	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
31	HL19_1258	KIỀU THỊ TRANG	04/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
32	HL19_1272	CAO THỊ SUỐT	21/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
33	TA19_1300	LÊ THỊ MỸ THUẬN	22/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
34	TA19_1359	ĐÀM NGỌC PHƯƠNG MAI	08/01/1990	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
35	TT19_562	TÔ TUỆ MÃN	24/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Mỹ thuật	Mỹ Thuật	
36	TT19_1177	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	21/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
37	TQ19_1179	ĐỖ THỊ NGÁT	12/07/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
38	HL19_1180	ĐINH THỊ LAN HƯƠNG	16/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
39	BN19_1207	THẠCH TUYẾT	01/01/2019	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
40	TQ19_1209	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	20/10/1988	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
41	HD19_1210	LÊ THỊ KIM HUỆ	14/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
42	BN19_1214	CHU THỊ BÍCH YẾN	12/04/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
43	LT19_1218	NGUYỄN THÚY NGỌC	09/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
44	TT19_1224	NGUYỄN THỊ KIM CHI	24/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
45	TQ19_1229	LẠI PHÁT TÀI	25/09/1992	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
46	LT19_1240	ĐÀO THỊ THÚY	02/02/1988	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
47	BN19_1249	TRẦN THỊ THU HIỀN	29/04/1979	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
48	LN19_1264	NGUYỄN LÊ THỦY LINH	04/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
49	BN19_1277	NGUYỄN BÍCH NHƯ	16/02/1990	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
50	HD19_1284	NGUYỄN MINH HUY	18/11/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
51	LN19_1299	MAI THỊ MỘNG LÀNH	10/11/1985	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
52	LN19_1311	DƯƠNG THỊ HẠNH	20/10/1989	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
53	TA19_1341	TRỊNH THỊ THƯ	12/01/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
54	TA19_1346	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	21/02/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
55	TA19_1348	ĐỖ THỊ THÙY	20/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
56	TA19_1352	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	07/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
57	LN19_996	LÊ NGUYỄN HOÀNG TRANG	05/10/1991	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
58	BN19_1054	VĂN THỊ MINH HIỆP	27/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
59	TQ19_1073	ĐÀO HOÀI THƯƠNG	13/11/1988	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
60	LN19_1089	NGUYỄN THỊ DUYÊN	03/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
61	TT19_1130	HỒ LÂM XUÂN HƯƠNG	25/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
62	KL19_1156	ĐẶNG THỊ MỸ HÂN	20/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
63	TT19_1175	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	08/01/1991	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
64	HD19_1230	ĐOÀN THỊ NIÊM	02/06/1987	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
65	TT19_1265	TRẦN THỊ YẾN	11/03/1987	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
66	LN19_1297	HUỖNH THANH TUẤN	26/11/1994	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
67	LN19_1309	PHAN HỒNG LINH	29/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
68	LN19_1318	NGUYỄN THANH THỊ PHƯƠNG THẢO	16/07/1992	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
69	TQ19_1332	TRẦN HOÀNG LONG	10/11/1996	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
70	TA19_1357	HỒ THÁI NGỌC	20/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
71	TA19_1361	PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG	21/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
72	BN19_650	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	21/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Pháp	Tiếng Pháp	
73	LN19_901	NGUYỄN TRẦN NHƯ THỦY	12/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Pháp	Tiếng Pháp	
74	BN19_1308	LÊ PHƯƠNG LAN	07/05/1976	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Pháp	Tiếng Pháp	
75	HL19_1288	VŨ VĂN CÔNG	19/11/1993	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
76	BN19_1295	TRANG NGỌC MỸ PHƯỚC	12/04/1986	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
77	TQ19_1314	ĐOÀN NGUYỄN THỦY DUNG	22/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
78	TQ19_1323	NGÔ XUÂN SINH	16/11/1974	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
79	TQ19_1324	NGÔ VĂN ANH QUỐC	13/04/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
80	TQ19_1326	BÙI THU HƯƠNG	14/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
81	TQ19_1327	NINH VĂN HÙNG	04/02/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
82	TQ19_1331	NGÔ THỊ NHÃ TRANG	30/11/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
83	TQ19_1333	NGÔ THỊ HOÀI TRANG	03/12/1977	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
84	TQ19_1334	NGUYỄN THU HẰNG	10/05/1979	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
85	TA19_1335	HUỖNH THỊ DIỄM LINH	22/05/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
86	TQ19_1336	TRỊNH THỊ KIM Phượng	19/12/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
87	TQ19_1337	LÊ TÔN HIỆP	11/10/1984	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
88	TA19_1339	NGUYỄN XUÂN QUANG	17/05/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
89	TQ19_1345	PHAN BÁ PHỤNG	06/01/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
90	TQ19_1360	TRẦN QUỐC KHANG	09/12/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
91	TA19_1364	PHẠM CHÍ THÀNH	20/04/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
92	TA19_1365	PHAN CHÍ THIÊN	23/09/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
93	LN19_1281	NGUYỄN THỊ HUY	15/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
94	TQ19_1282	ĐÀO THỊ THU NGÂN	30/04/1989	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
95	TQ19_1292	NGÔ THỊ PHƯƠNG CHI	02/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
96	TA19_1307	BÙI THU TRANG	09/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
97	TT19_1310	TRẦN THÀNH NHÂN	05/12/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
98	TA19_1340	PHẠM TRƯỜNG THỊNH	20/07/1991	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
99	TA19_1347	TRẦN ĐÌNH NHÂN	02/02/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
100	TA19_1363	TRẦN MINH THÁI	06/05/1983	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
101	LN19_14	TRẦN THỊ HOÀNG LAN	20/05/1990	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 1	
102	MH19_47	HỒ THỊ ANH TUYỀN	01/08/1981	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 1	
103	HL19_57	NGUYỄN THỊ DIỆU	30/10/1980	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
104	BN19_66	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	27/02/1991	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 1	
105	MH19_97	PHẠM ĐÌNH THIÊN	20/11/1967	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 1	
106	LN19_118	NGUYỄN VŨ ANH TUẤN	08/11/1978	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
107	LN19_132	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	09/02/1977	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
108	HD19_236	NGUYỄN DUY THÔNG	24/04/1991	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
109	LN19_237	PHẠM ĐÌNH KHIÊM	06/11/1986	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
110	LT19_383	NGUYỄN THỊ THÚY	19/01/1990	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
111	HD19_504	ĐÀO HOÀNG HẢI	04/08/1991	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
112	LN19_686	HÀ MINH TUẤN	04/01/1978	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
113	TQ19_968	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	28/03/1988	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
114	TQ19_1269	BÙI THỊ NGỌC XUYỀN	15/03/1983	Nữ	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
115	BN19_1316	LÊ TRẦN NHẬT QUANG	11/11/1994	Nam	Nhân viên Công nghệ thông tin	Tin học 2	
116	HL19_80	LÊ THỊ MINH TRANG	12/02/1984	Nữ	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
117	LT19_133	NGUYỄN VŨ VƯỢNG	19/05/1992	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
118	TQ19_252	NGUYỄN TRỌNG KHIÊM	04/10/1974	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
119	HD19_316	TRẦN CÔNG ANH	20/07/1993	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
120	LT19_317	LÊ QUANG HUY	16/02/1990	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
121	TT19_361	ĐỖ QUỐC THỊNH	01/05/1991	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
122	TQ19_388	NGUYỄN THÀNH TRUNG	02/01/1986	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
123	TQ19_867	LÊ TẤN THỊNH	20/04/1981	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
124	HD19_1017	LÊ PHƯƠNG DUNG	07/10/1996	Nữ	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
125	MH19_1142	BÙI MẠNH TOÀN	30/09/1982	Nam	Nhân viên Thiết bị, phòng thí nghiệm	Thiết bị, Thí nghiệm	
126	TQ19_619	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG BÌNH	19/04/1987	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
127	LT19_659	TRẦN PHAN PHI PHỤNG	15/08/1998	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
128	HL19_797	LƯU HÀ NGỌC THỤY	09/11/1980	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
129	LT19_1148	VŨ VĂN CẨM	06/06/1981	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
130	HD19_1275	NGUYỄN THỊ HÀ	05/09/1990	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
131	TQ19_1329	LÊ XIÊU LOÁNG	10/02/1984	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
132	MH19_188	NGUYỄN BÁ TRUNG	12/01/1972	Nam	Nhân viên VP (dành cho TT GDTX)	Văn thư	

Tổng danh sách có 132 người./